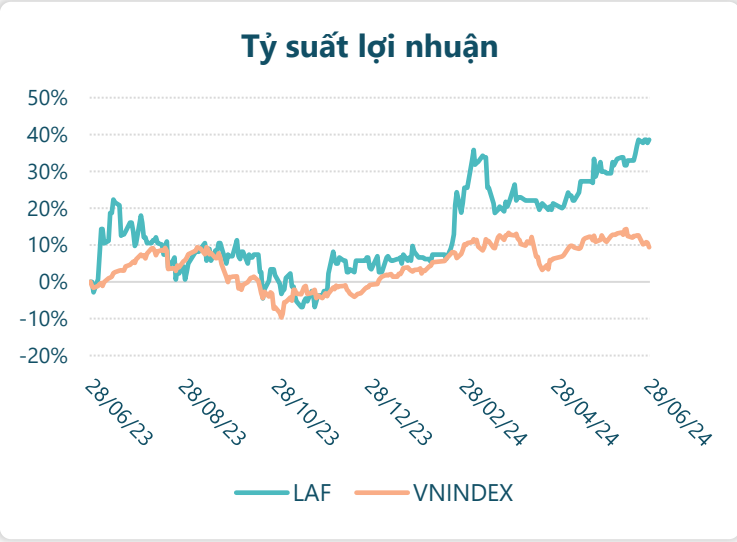


Ngày	16,000 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	7.0%	13.1%	31.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,756 - 16,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	236
Số lượng CPLH (CP)	14,728,019
KLGD BQ 20 phiên (CP)	7,615
Sở hữu nước ngoài	1.6%
Beta	0.24
EPS	2,331
P/E	6.9



Doanh thu thuần
Q2/24

113

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.2 | 15.9%

YoY: ▼ 20.0 | -14.8%

Nợ/VCSH
Q2/24

57.1%

YoY: +/- ▼ 10.6%

LN gộp
Q2/24

22.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.70 | 19.4%

YoY: ▲ 1.80 | 8.6%

ROE (TTM)
Q2/24

16.5%

YoY: +/- ▲ 1.5%

LN trước thuế
Q2/24

12.8

tỷ VNĐ

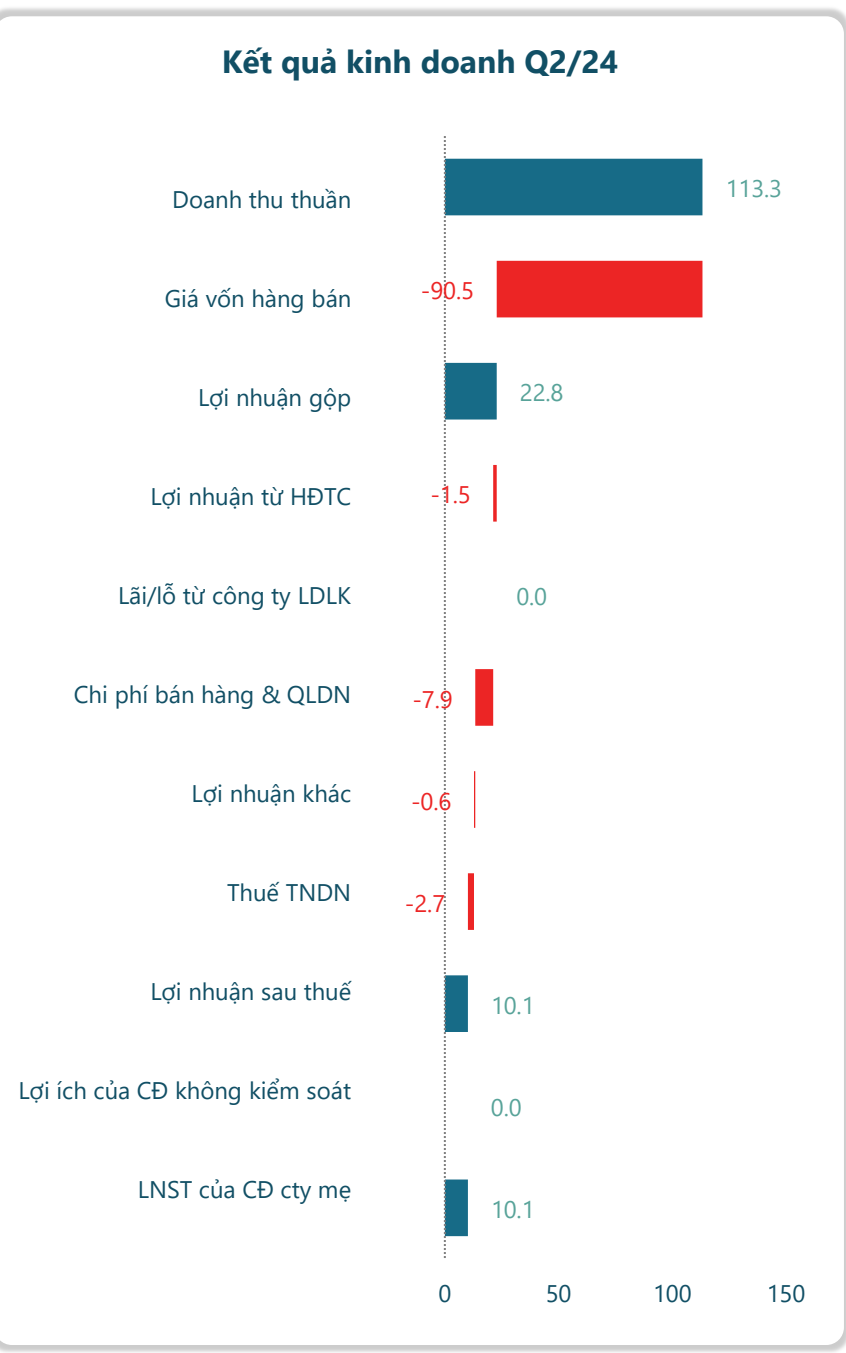
QoQ: ▲ 5.87 | 84.4%

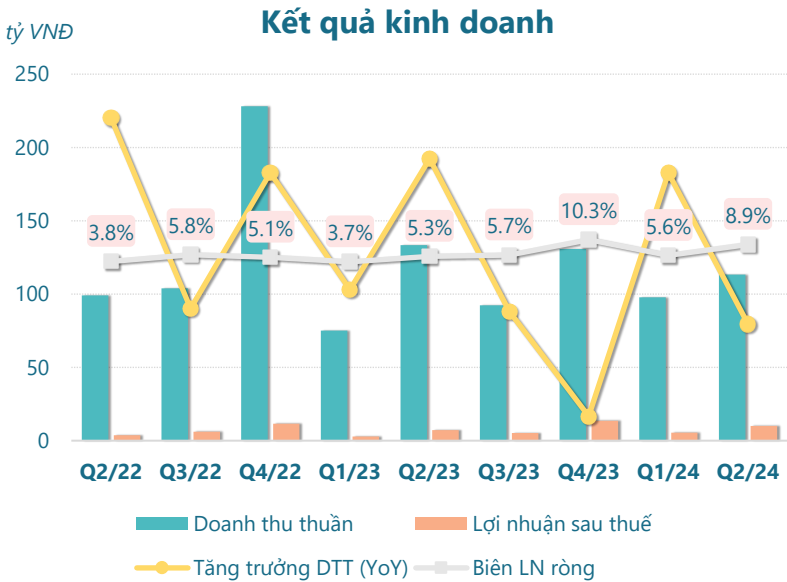
YoY: ▲ 3.81 | 42.2%

ROA (TTM)
Q2/24

9.3%

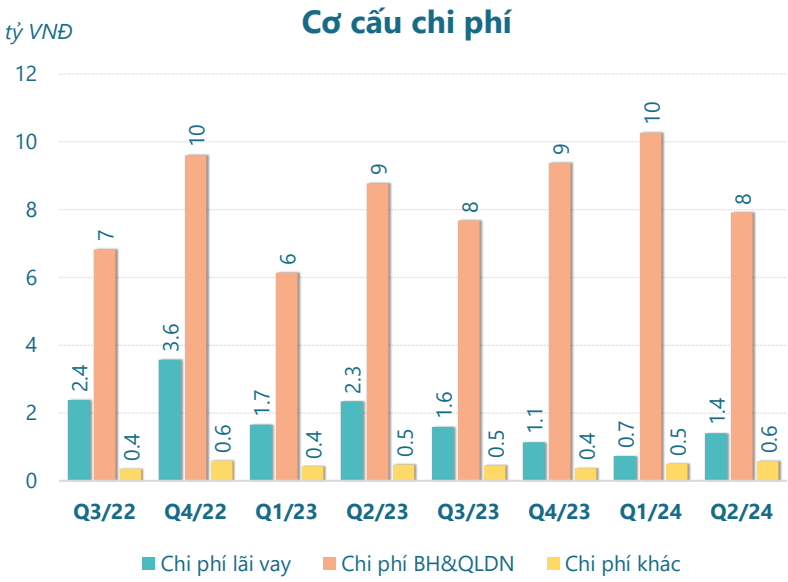
YoY: +/- ▲ 1.1%





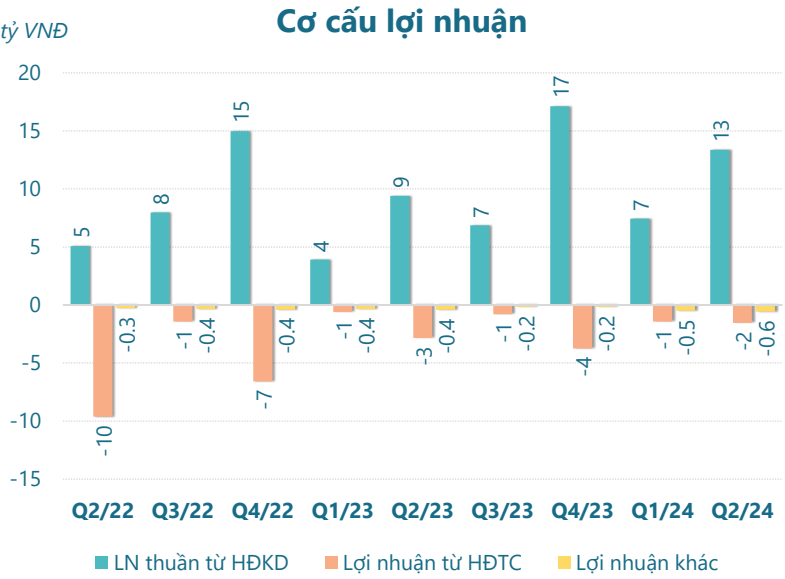
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 13.36 tỷ đồng**, tăng thêm 79.8% so với kỳ trước và cao hơn 42.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 1.53 tỷ đồng** giảm đi 0.11 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 1.31 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lỗ 0.58 tỷ đồng** giảm đi 0.07 tỷ đồng so với kỳ trước và giảm đi 0.18 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **LAF** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **113.3 tỷ đồng** giảm đi **15.0%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 10.11 tỷ đồng, tăng trưởng 42.4%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **211.0 tỷ đồng** cao hơn 1.44% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 16.00 tỷ đồng** cao hơn 60.0% so với cùng kỳ năm trước.



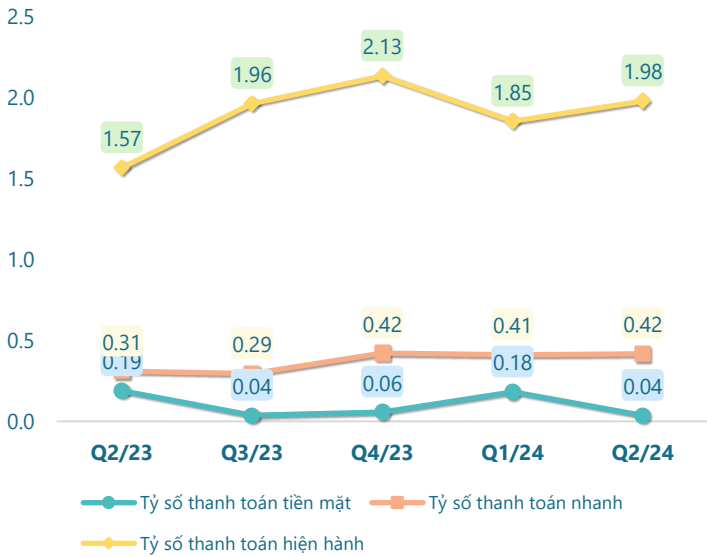
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **1.40 tỷ đồng** tăng thêm 91.8% so với kỳ trước và thấp hơn 40.2% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **7.92 tỷ đồng** giảm đi 22.9% so với kỳ trước và thấp hơn 9.79% so với cùng kỳ năm trước.

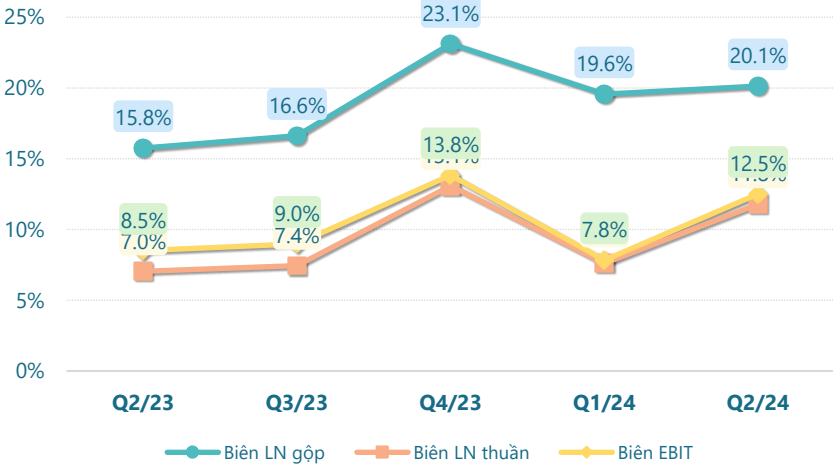
Chi phí khác bằng **0.58 tỷ đồng** tăng thêm 13.7% so với kỳ trước và cao hơn 20.8% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	113	97.8	15.9%	133	-14.8%	211	208	1.3%
Giá vốn hàng bán	90.5	78.7	15.0%	112	-19.2%	169	177	-4.3%
Lợi nhuận gộp	22.8	19.1	19.4%	21.0	8.6%	41.9	31.7	32.4%
Doanh thu HĐTC	1.64	1.85	-11.4%	1.79	-8.4%	3.49	3.08	13.1%
Chi phí TC	3.17	3.27	-3.1%	4.64	-31.7%	6.44	6.53	-1.4%
Chi phí lãi vay	1.40	0.73	92.5%	2.34	-40.0%	2.14	4.00	-46.6%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	3.49	3.79	-7.9%	4.24	-17.7%	7.28	7.62	-4.5%
Chi phí QLDN	4.43	6.48	-31.7%	4.54	-2.5%	10.9	7.30	49.5%
LN thuần từ HĐKD	13.4	7.43	79.8%	9.39	42.3%	20.8	13.3	56.3%
Lợi nhuận khác	-0.58	-0.51	-13.7%	-0.40	-44.9%	-1.09	-0.77	-41.5%
LN trước thuế	12.8	6.93	84.4%	8.99	42.2%	19.7	12.5	57.2%
Lợi nhuận sau thuế	10.1	5.45	85.5%	7.10	42.4%	15.6	9.85	58.0%
LNST của CĐ cty mẹ	10.1	5.45	85.5%	7.10	42.4%	15.6	9.85	58.0%

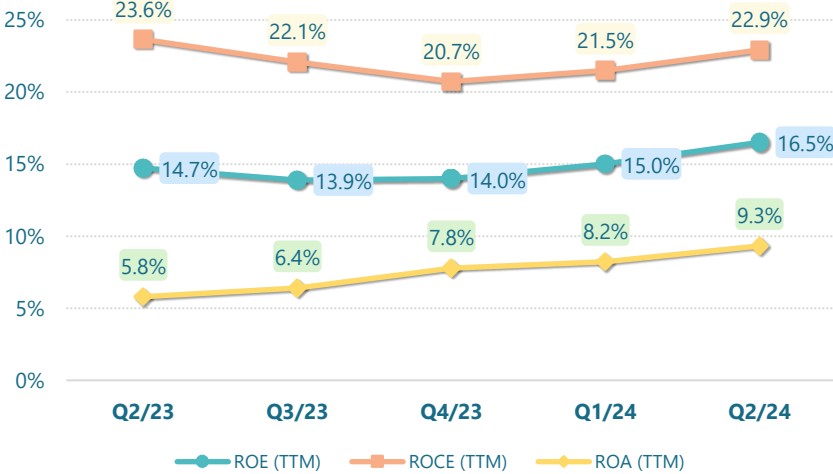
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

